

Số: 6202/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ Hội Doanh nghiệp quận Cẩm Lệ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2016 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Xét đề nghị của Hội Doanh nghiệp quận Cẩm Lệ tại Tờ trình số 12/TTr-HDN ngày 16 tháng 10 năm 2017 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Doanh nghiệp quận Cẩm Lệ đã được Đại hội Hội Doanh nghiệp quận Cẩm Lệ nhiệm kỳ 2017 - 2022 thông qua ngày 10 tháng 10 năm 2017.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3470/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2007 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Điều lệ Hội Doanh nghiệp quận Cẩm Lệ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng, Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Công an thành phố Đà Nẵng; Chủ tịch UBND quận Cẩm Lệ; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Hội Doanh nghiệp quận Cẩm Lệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, SNV.9



Huỳnh Đức Thọ

**ĐIỀU LỆ
HỘI DOANH NGHIỆP QUẬN CẨM LỆ**

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 6202/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2017
của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hội Doanh nghiệp quận Cẩm Lệ.
2. Tên tiếng Anh: Cam Le Enterprises Association.
3. Tên viết tắt: CALEENAS.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Doanh nghiệp quận Cẩm Lệ (sau đây viết tắt là Hội) là tổ chức xã hội nghề nghiệp tự nguyện của các công dân, tổ chức Việt Nam có chung mục đích, hoạt động thường xuyên, không vụ lợi nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên, cộng đồng doanh nghiệp, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả và góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

2. Hội có mục đích tập hợp các doanh nghiệp, doanh nhân, nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia kinh tế và các đối tượng có liên quan trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; tạo điều kiện giao lưu, đoàn kết, trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và các hoạt động khởi nghiệp, tái khởi nghiệp cho doanh nghiệp trên địa bàn quận Cẩm Lệ; nắm bắt kịp thời những thông tin, định hướng phát triển kinh tế, chủ trương, chính sách của Nhà nước để đầu tư hiệu quả, gắn lợi ích doanh nghiệp với sự phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng. Hội hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội: Số 40 Ông Ích Đường, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội Doanh nghiệp quận Cẩm Lệ hoạt động trên phạm vi quận Cẩm Lệ, trong lĩnh vực doanh nghiệp.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của UBND thành phố Đà Nẵng, UBND quận Cẩm Lệ, Sở Nội vụ và các cơ quan chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và Điều lệ Hội.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI

Điều 6. Chức năng, nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội được Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội; giúp phát triển quan hệ tốt đẹp giữa các doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức.

3. Phổ biến kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội; hỗ trợ nâng cao tri thức quản lý doanh nghiệp, năng lực kinh doanh, phát triển nghề nghiệp, tiếp cận thị trường, hợp tác đầu tư, kinh doanh và tạo điều kiện để hội viên tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng, xã hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, đề xuất nguyện vọng chính đáng với cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi giúp doanh nghiệp phát huy trí tuệ, năng lực, tăng cường hiệu quả kinh doanh và phát triển lớn mạnh.

5. Hỗ trợ, giúp các hội viên thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tháo gỡ những khó khăn về thủ tục, phát huy tiềm năng thế mạnh, phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hướng dẫn tư vấn, hỗ trợ tái khởi nghiệp, cung cấp thông tin về thương mại, pháp lý, kinh tế, kỹ thuật và hội nhập kinh tế quốc tế.

6. Tổ chức các chương trình hỗ trợ phát triển khởi nghiệp, xúc tiến thương mại, trao đổi thông tin, liên kết hợp tác với các đối tác, các tổ chức nhằm thúc đẩy thu hút đầu tư vào quận Cẩm Lệ; tổ chức các hội nghị, hội thảo để trao đổi kinh nghiệm, thúc đẩy hợp tác, liên kết các nhà đầu tư, doanh nghiệp; tổ chức các hoạt động hỗ trợ doanh nhân, phát huy tinh thần tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh hiệu quả.

7. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

8. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 7. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Hội.

2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức giao lưu, học tập, chia sẻ kinh nghiệm theo quy định của pháp luật; được tham dự các buổi hội nghị, hội thảo có liên quan đến Hội khi được mời tham gia; được giới thiệu và cử hội viên đại diện Hội để tiếp cận, mở rộng thị trường, nghiên cứu các đề tài, ứng dụng khoa học kỹ thuật, tham dự các triển lãm theo quy định của pháp luật.

5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các quyền hạn theo quy định của Bộ luật Dân sự và quy định khác của pháp luật về tổ chức hội.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Công dân, tổ chức Việt Nam có đủ tiêu chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được Ban Chấp hành Hội xem xét, công nhận là hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết: Các tổ chức Việt Nam có đóng góp cho sự phát triển của Hội, tán thành Điều lệ Hội, được Ban Chấp hành Hội xem xét, công nhận là hội viên liên kết.

c) Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện đề nghị vào Hội, được Ban Chấp hành Hội công nhận là hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức: Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên, tổ chức Việt Nam tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội và đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều 2 Điều lệ này.

3. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức của Hội, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và không được bầu cử, ứng cử vào Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội hướng dẫn, giúp đỡ trong việc chấp hành Điều lệ Hội và các quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham dự đầy đủ mọi hoạt động của Hội, thảo luận, biểu quyết những công việc của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến, ý tưởng liên quan đến hoạt động của Hội; được tham gia các hoạt động kinh doanh, dịch vụ của Hội và hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội thường xuyên; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh; cung cấp thông tin, số liệu cần thiết phục vụ hoạt động của Hội.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được Chủ tịch Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội. Hội viên danh dự không phải đóng hội phí.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Công dân, tổ chức Việt Nam muốn gia nhập Hội phải tự nguyện có văn bản đề nghị gia nhập Hội, gửi Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định.

2. Khi muốn ra khỏi Hội, hội viên phải có văn bản đề nghị ra khỏi Hội gửi Ban Chấp hành trước 30 (ba mươi) ngày để Ban Chấp hành xem xét, quyết định thống nhất việc thôi tham gia Hội của hội viên và xóa tên trong danh sách các hội viên.

3. Hội viên đương nhiên bị chấm dứt tư cách hội viên khi vi phạm một trong các nội dung sau:

a) Vi phạm pháp luật và bị xử lý hình sự.

b) Không tham gia sinh hoạt Hội 03 (ba) kỳ liên tục mà không báo cáo lý do chính đáng.

c) Không đóng hội phí 01 (một) năm.

4. Ban Chấp hành Hội có trách nhiệm xem xét, quyết định chấm dứt tư cách hội viên khi hội viên không còn đủ điều kiện quy định tại Điều 8 Điều lệ này, hoặc hội viên đề nghị ra khỏi Hội.

5. Cá nhân không còn tư cách hội viên thì đương nhiên không còn giữ chức danh, chức vụ (nếu có) đang đảm trách tại Hội.

Chương IV **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI**

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ và Thường trực.
4. Ban Kiểm tra.
5. Các phòng, ban chuyên môn.
6. Các đơn vị trực thuộc hội và tổ chức cơ sở thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội.

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung, thay thế); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội.

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo hoạt động của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội.

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra.

đ) Thông qua nghị quyết Đại hội.

e) Thông qua các nội dung khác (nếu có).

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định, chương trình hoạt động, nghị quyết của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức tham dự Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành theo nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, quyết định, chương trình hoạt động của Hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội.

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập, tổ chức Đại hội; nghiên cứu, xây dựng các nghị quyết, quyết định, chương trình hoạt động của Hội để trình Đại hội thông qua.

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội; thông qua các quyết định, nghị quyết của Ban Chấp hành; xem xét, quyết định việc kết nạp hội viên, thôi tham gia hội viên, chấm dứt tư cách hội viên.

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội; quyết định thành lập, giải thể, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị, tổ chức trực thuộc Hội. Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số lượng Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành quyết định tùy theo tính chất từng thời kỳ hoạt động của Hội. Số Ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng Ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định. Ban Chấp hành có quyền quy định quy trình về bầu, miễn nhiệm, giới thiệu nhân sự vào Ban Chấp hành, lựa chọn hội viên thuộc Hội để bầu bổ sung với điều kiện phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Chấp hành chấp thuận.

e) Đại diện Hội nhận các khoản tài trợ của các tổ chức, cá nhân đóng góp theo quy định của pháp luật.

g) Quyết định tham gia, thôi tham gia thành viên của một tổ chức vì lợi ích của Hội.

h) Quyết định việc thu, chi của Hội; quyết định các khoản đầu tư, ký kết hợp đồng có giá trị dưới 50% (năm mươi phần trăm) giá trị tài sản ghi trong sổ kế

toán tại thời điểm ký kết hợp đồng; quyết định các khoản chi theo phương hướng hoạt động mà Đại hội đã đề ra, quyết định các khoản chi có giá trị dưới 50% (năm mươi phần trăm) giá trị ghi trong sổ kế toán của Hội tại thời điểm Đại hội thông qua.

- i) Xem xét, quyết định mức hội phí, phí tham gia Hội.
- k) Báo cáo Đại hội về kết quả thực hiện nhiệm vụ, kết quả quản lý và sử dụng tài chính trong nhiệm kỳ.
- l) Được ủy quyền Ban Thường vụ và Thường trực Hội thực hiện một số chức năng trong quyền hạn và nhiệm vụ của mình.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

- a) Ban Chấp hành hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.
- b) Ban Chấp hành họp định kỳ ba tháng một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành.
- c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số thành viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định.
- d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành bằng nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.
- e) Nhiệm kỳ hoạt động của thành viên Ban Chấp hành theo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành. Khi kết thúc nhiệm kỳ, Ban Chấp hành tiếp tục làm việc cho đến khi Đại hội bầu ra Ban Chấp hành mới.

Điều 15. Ban Thường vụ và Thường trực Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các thành viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ theo nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

- a) Ban Thường vụ là cơ quan thường trực, giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; báo cáo công tác trong các kỳ họp của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành.

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành.

c) Quyết định thành lập, giải thể các tổ chức cơ sở thuộc Hội, các chi hội tại phường, xã.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế hoạt động do Ban Thường vụ thông qua, quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Thường vụ họp khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ.

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành bằng nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

4. Thường trực Hội:

a) Thường trực Hội gồm Chủ tịch Hội và các Phó Chủ tịch Hội, là cơ quan thường trực của Ban Thường vụ, chịu trách nhiệm chỉ đạo các hoạt động thường xuyên của Hội theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

b) Thường trực Hội họp định kỳ mỗi tháng một lần (khi cần có thể họp đột xuất) để kiểm điểm công tác và chuẩn bị các nội dung sẽ đưa ra hội nghị của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành. Tùy theo tình hình có thể họp chuyên đề, họp bất thường theo đề nghị của Chủ tịch hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Thường trực; cuộc họp Thường trực Hội chỉ tiến hành khi có trên 1/2 (một phần hai) số thành viên trong Thường trực có mặt.

c) Nghị quyết của Thường trực có hiệu lực thi hành khi có trên 2/3 (hai phần ba) số thành viên Thường trực có mặt tán thành thông qua.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng Ban, Phó trưởng Ban và một số Ủy viên do Đại hội bầu ra. Ban Kiểm tra có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên. Trưởng Ban do các thành viên Ban Kiểm tra bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra theo nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên.

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

c) Kiểm tra, kiểm soát tình hình và hoạt động tài chính của Hội.

d) Yêu cầu hội viên, Ban Chấp hành cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động của Hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

e) Báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm soát trong nhiệm kỳ trước Đại hội.

g) Thông báo các sai phạm hoặc các vấn đề chưa phù hợp cho Ban Chấp hành và yêu cầu khắc phục hoặc chấm dứt việc sai phạm.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Văn phòng, các ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Hội và các tổ chức cơ sở thuộc Hội

1. Văn phòng, các ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Hội do Ban Chấp hành quyết định thành lập, giải thể, bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo các ban chuyên môn và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Hội theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

2. Văn phòng Hội và các ban chuyên môn là bộ phận giúp việc của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực và chịu sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội. Các đơn vị trực thuộc Hội là các pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.

3. Các tổ chức cơ sở thuộc Hội, các chi hội tại phường, xã do Ban Thường vụ quyết định thành lập, giải thể. Mỗi chi hội có Ban Chấp hành chi hội do trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chi hội tín nhiệm bầu ra và được Chủ tịch Hội Doanh nghiệp quận Cẩm Lệ công nhận. Ban Chấp hành chi hội bầu, miễn nhiệm Chi hội trưởng, các Chi hội phó và các Ủy viên.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Thư ký Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các thành viên Ban Chấp hành. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành quy định. Hội viên giữ chức vụ Chủ tịch Hội được tái đắc cử nhưng không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Hội; đại diện theo pháp luật trong các hoạt động nhân danh Hội, bao gồm các quan hệ đối nội và đối ngoại.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ, Thường trực.

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực ký các văn bản của Hội; kiểm tra công việc của các thành viên Thường trực và của các bộ phận trực thuộc; quản lý và phân công quản lý tài sản của Hội theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội:

a) Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành quy định.

b) Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

c) Trường hợp Chủ tịch Hội không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thì một Phó Chủ tịch chịu trách nhiệm triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban Chấp hành. Các thành viên Ban Chấp hành bầu chọn một thành viên trong Ban Chấp hành đảm nhiệm chức danh Chủ tịch cho đến khi kết thúc nhiệm kỳ, hoặc triệu tập Đại hội bất thường để bầu ra Ban Chấp hành và Ban Chấp hành bầu ra Chủ tịch mới.

4. Thư ký do Thường trực Hội xem xét quyết định. Thư ký Hội hoạt động theo cơ chế chuyên trách, điều hành công việc của Văn phòng Hội, giúp Thường trực, Chủ tịch Hội giải quyết công việc hàng ngày, chuẩn bị các kỳ họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực, các cuộc hội nghị, hội thảo do Hội tổ chức. Thư ký có thể được thuê ngoài và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Chế độ hội họp, sinh hoạt

1. Ban Chấp hành, Thường trực Hội họp định kỳ theo quy định tại Điều lệ Hội. Trong trường hợp đột xuất có thể triệu tập họp bất thường.

2. Hội nghị Hội Doanh nghiệp quận Cẩm Lệ duy trì sinh hoạt chung ít nhất hai lần một năm, trong đó có một lần cố định là vào ngày thành lập Hội.

3. Thường trực Hội tổ chức sinh hoạt, họp mặt vào sáng ngày thứ Năm hàng tuần tại trụ sở chính (hoặc địa điểm thích hợp) để các hội viên gặp gỡ và giao lưu.

4. Văn phòng Hội luôn có nhân viên túc trực phục vụ công tác của Hội, tiếp nhận các yêu cầu, đề nghị, thông tin của hội viên, doanh nghiệp, của các cơ quan tổ chức khác. Giờ làm việc được thực hiện theo giờ hành chính.

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương V

TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên.
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.
- Tiền tài trợ, ủng hộ, tặng, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật (nếu có).

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội.
- Chi về trụ sở làm việc, mua sắm, đầu tư phương tiện, thiết bị làm việc.
- Chi thực hiện chế độ, chính sách, phụ cấp đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành.
- Chi thăm hỏi bệnh, tang lễ hoặc đóng góp công tác xã hội từ thiện.

- Chi phí đại hội, họp mặt, giao lưu nhằm mục đích phục vụ công tác phát triển hội.

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội, do các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hiến, tặng theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VI KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế của Hội, gây tổn hại đến uy tín của Hội, thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng một trong các hình thức sau đây: khiển trách, cảnh cáo, giải thể đối với đơn vị, tổ chức thuộc Hội; khiển trách, cảnh cáo, cách chức, miễn nhiệm đối với người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; khiển trách, cảnh cáo, thôi tham gia hội viên và xoá tên khỏi danh sách đối với hội viên. Hội viên tại tổ chức cơ sở thuộc Hội và các chi hội phường, xã không tham gia sinh hoạt 03 (ba) kỳ liên tiếp, không có quan hệ với Ban Chấp hành chi hội tại cơ sở mà không có lý do chính đáng, thì bị xoá tên khỏi danh sách hội viên.

2. Ban Chấp hành Hội ban hành quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét xử lý kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Doanh nghiệp quận Cẩm Lệ mới có quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ Hội phải được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và được Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt mới có giá trị thi hành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Doanh nghiệp quận Cẩm Lệ gồm 07 (bảy) Chương, 26 (hai mươi sáu) Điều được Đại hội Hội Doanh nghiệp quận Cẩm Lệ thông qua ngày 10 tháng 10 năm 2017 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Doanh nghiệp quận Cẩm Lệ có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.



CHỦ TỊCH

Huỳnh Đức Thơ